

Bản án: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 3 - 2024

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

2. Ông Giáp Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Khánh Ly, thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hà Đăng Chương, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị Ngọc Á, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án anh Nguyễn Đình Q trình bày: Anh kết hôn với chị Ngô Thị Ngọc Á ngày 08/9/2022, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T,

tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ đầu tháng 06/2023, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống và trong làm ăn kinh tế, vợ chồng sống ly thân từ tháng 07/2023. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Á được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Qua xác minh tại địa phương thôn T và UBND xã N đều xác định như sau, năm 2022 anh Nguyễn Đình Q kết hôn với chị Ngô Thị Ngọc Á, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang, sau ngày cưới chị Á về gia đình anh Q sinh sống. Hiện nay chị Á là nhân viên quán hát và có mặt tại huyện T, tuy nhiên không có địa chỉ cụ thể ở đâu nên địa phương không cung cấp địa chỉ của chị Á cho Tòa án được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Ngô Thị Ngọc Á như: Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là chị Ngô Thị Ngọc Á. Tại các buổi làm việc cũng như quá trình giải quyết vụ án chị Á không đến Tòa án làm việc và không cung cấp lời khai thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Đình Q vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Ngô Thị Ngọc Á được ly hôn. Về con chung, tài sản và công nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Ngô Thị Ngọc Á vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn anh Nguyễn Đình Q thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn chị Ngô Thị Ngọc Á không chấp hành theo đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đình Q và chị Ngô Thị Ngọc Á được ly hôn.

Về con chung, tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Đình Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập phiên tòa và quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn chị Ngô Thị Ngọc Á, nhưng chị Á vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Đình Q và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Anh Nguyễn Đình Q kết hôn chị Ngô Thị Ngọc Á ngày 08/9/2022 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh Q, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay anh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết

về con chung và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là đúng quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh đầu tháng 06/2023, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh Q và chị Á sống ly thân từ tháng 07/2023, chị Á đã không về nhà anh Q sinh sống hai bên không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Á được ly hôn.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Đình Q và chị Ngô Thị Ngọc Á đã xảy ra căng thẳng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Q xin ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Q, xử cho anh Nguyễn Đình Q và chị Ngô Thị Ngọc Á được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản, công nợ chung: Anh Q xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Đình Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đình Q và chị Ngô Thị Ngọc Á được ly hôn.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Đình Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Q đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số: 0006578 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- UBND xã Ngọc Thiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên